

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của Trường Mầm non Phường 9 Năm học 2019 - 2020 (Biểu mẫu 01)

STT	Nội dung	Nhà trẻ Từ 19 - 36 tháng tuổi	Mẫu giáo Từ 3 - 6 tuổi
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được Chất lượng chăm sóc của nhà trường nhằm hướng tới thực hiện đạt mục tiêu theo Chương trình giáo dục mầm non phù hợp với từng lứa tuổi.	* Mục tiêu: Chương trình giáo dục trẻ từ 19 tháng đến 36 tháng nhằm phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm - xã hội và thẩm mỹ. I. Phát triển thể chất: - Trẻ khỏe mạnh, cân nặng chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi. - Thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ. - Có một số tổ chất vận động ban đầu (nhạy, khéo léo, thăng bằng cơ thể). - Có khả năng phối hợp khéo léo cử động bàn tay ngón tay. - Có khả năng làm được một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ và vệ sinh cá nhân. II. Phát triển nhận thức: - Trẻ thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh. - Có sự thay đổi của các giác quan. - Có khả năng quan sát, nhận xét, ghi nhớ và diễn đạt hiểu biết bằng những câu nói đơn giản. - Có một số hiểu biết ban đầu về bản thân các sự vật, hiện tượng gần gũi,	* Mục tiêu: Chương trình giáo dục mẫu giáo nhằm giúp trẻ từ 3 đến 6 tuổi phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm - xã hội và thẩm mỹ, chuẩn bị cho trẻ vào học ở tiểu học. I. Phát triển thể chất: - Trẻ khỏe mạnh, cân nặng chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi. - Có một số tổ chất vận động: nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ. - Thực hiện các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế. - Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian. - Có kỹ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay. - Có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khỏe. - Có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn cho bản thân. II. Phát triển nhận thức: - Trẻ ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh. - Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định. - Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau. - Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán.

		quen thuộc. III. Phát triển ngôn ngữ: - Trẻ nghe hiểu được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói. - Biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng lời nói, cử chỉ. - Biết sử dụng lời nói để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu. - Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời nói. - Hồn nhiên trong giao tiếp. IV. Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ: - Có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi. - Có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người, sự vật gần gũi. - Thực hiện được một số quy định đơn giản trong sinh hoạt - Thích nghe hát, hát và vận động theo nhạc; thích vẽ, xé dán, xếp hình; thích nghe đọc thơ, kể chuyện...	III. Phát triển ngôn ngữ: - Trẻ có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hằng ngày. - Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ). - Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hằng ngày. - Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện. - Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao, phù hợp với lứa tuổi. - Có một số kỹ năng ban đầu của việc đọc và viết. IV. Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội: - Có ý thức về bản thân. - Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh. - Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực. - Có một số kỹ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ. - Thực hiện một số quy tắc, quy định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi. IV. Phát triển thẩm mỹ: - Trẻ có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật. - Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình. - Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật; có ý thức giữ gìn và bảo vệ cái đẹp.
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	- Thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo và được sửa đổi bổ sung một số nội dung theo Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016.	

III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển (Năm học 2018 - 2019)	I. Phát triển thể chất: - 100% trẻ khỏe mạnh, cân nặng chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi. - 100% thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ. - 100% thực hiện được vận động cơ bản theo độ tuổi. - 74.4% trẻ có một số tố chất vận động ban đầu (nhạy, khéo léo, thăng bằng cơ thể). - 83.9% trẻ có khả năng phối hợp khéo léo cử động bàn tay ngón tay. - 90.3% trẻ có khả năng làm được một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ và vệ sinh cá nhân. II. Phát triển nhận thức - 90.3% trẻ thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh. - 100% trẻ có sự thay đổi của các giác quan. - 74.4% trẻ có khả năng quan sát, nhận xét, ghi nhớ và diễn đạt hiểu biết bằng những câu nói đơn giản. - 83.9% trẻ có một số hiểu biết ban đầu về bản thân các sự vật, hiện tượng gần gũi, quen thuộc. III. Phát triển ngôn ngữ: - 96.8% trẻ nghe hiểu được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói. - 80.6% trẻ biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng lời nói, cử chỉ. - 74.4% trẻ biết sử dụng lời	I. Phát triển thể chất: - 93.75% trẻ khỏe mạnh, cân nặng chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi. - 94.79% trẻ có một số tố chất vận động: nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo, bền bỉ. - 93.75% trẻ thực hiện các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế. - 97.91% trẻ có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian. - 94.79% trẻ có kỹ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay. - 96,87% trẻ có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khỏe. - 98.95% trẻ có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn cho bản thân. II. Phát triển nhận thức - 98.9% trẻ ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh. - 95.8% trẻ có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định. - 94.8% trẻ có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau. - 96.9% trẻ có khả năng diễn đạt sự hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán. III. Phát triển ngôn ngữ: - 98.9% trẻ có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hằng ngày. - 98.9% trẻ có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau. - 95.8% trẻ diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống bằng ngày. - 91.7% trẻ có khả năng nghe và kể lại
---	--	--	--

		nói để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu. - 83.9% trẻ có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời nói. - 100% trẻ hồn nhiên trong giao tiếp. IV. Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ: - 83.9% trẻ có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi. - 90.3% trẻ có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người, sự vật gần gũi. - 96.8% trẻ thực hiện được một số quy định đơn giản trong sinh hoạt. - 90.3% trẻ thích nghe hát, hát và vận động theo nhạc; thích vẽ, xé dán, xếp hình; thích nghe đọc thơ, kể chuyện.	sự việc, kể lại truyện. - 93.7% trẻ có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao, phù hợp với lứa tuổi. - 96.9% trẻ có một số kỹ năng ban đầu của việc đọc và viết. IV. Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội: - 100% trẻ có ý thức về bản thân. - 98% trẻ có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh. - 92.7% trẻ có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực. - 96.9% trẻ có một số kỹ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ. - 98.9% trẻ thực hiện một số quy tắc, quy định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi. IV. Phát triển thẩm mỹ: - 97.9% trẻ có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật. - 91.7% trẻ có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình. - 96.9% trẻ yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật; có ý thức giữ gìn và bảo vệ cái đẹp.
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	Tổ chức cho trẻ tham gia các hoạt động lễ hội: + Tết Trung Thu + Cô giáo như Mẹ hiền (20/11) + Bé hát về chú bộ đội (22/12) + Bé vui Noel + Bé vui đón Xuân + Bé chúc mừng Bà, Mẹ và Cô (8/3) + Giỗ Quốc Tổ Hùng Vương	Tổ chức cho trẻ tham gia các hoạt động lễ hội: + Tết Trung Thu + Cô giáo như Mẹ hiền (20/11) + Bé hát về chú bộ đội (22/12) + Bé vui Noel + Bé vui đón Xuân + Bé chúc mừng Bà, Mẹ và Cô (8/3) + Giỗ Quốc Tổ Hùng Vương + Bé hát mừng sinh nhật Bác Hồ. + Lễ ra trường khỏi mẫu giáo 5 - 6 tuổi.

		+ Bé hát mừng sinh nhật Bác Hồ + Tổng kết phát thưởng bé khỏe -ngoan, Quốc tế Thiếu nhi 1/6 Tổ chức cho trẻ tham gia các ngày hội: + Ngày hội đón trẻ mầm non đến trường	+ Tổng kết phát thưởng bé khỏe -ngoan, Quốc tế Thiếu nhi 1/6. Tổ chức cho trẻ tham gia các ngày hội: + Ngày hội đón trẻ mầm non đến trường + Giáo dục an toàn giao thông Tổ chức cho trẻ tham gia các hội thi: + Nét vẽ xanh + Giáo dục vệ sinh răng miệng + Thi Mầm non vui khỏe Tổ chức cho trẻ tham gia các hoạt động ngoại khóa: + Tham quan khu vui chơi hướng nghiệp Vietopia + Tham quan Đền thờ các Vua Hùng + Tham quan Thảo Cầm Viên, xem múa rối nước, vườn thú + Tham quan trường tiểu học + Tham quan Bến Nhà Rồng và Bưu điện thành phố Tổ chức cho trẻ tham gia các hoạt động năng khiếu: - Vẽ, võ, thể dục nhịp điệu, Anh văn
--	--	---	--

Quận 10, ngày 12 tháng 8 năm 2019



Trần Thị Thanh Thủy

THÔNG BÁO

Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế, năm học 2018 - 2019 (Biểu mẫu 02)

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	129		12	22	22	36	37
1	Số trẻ em nhóm ghép	0	0	0	0	0	0	0
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày	0	0	0	0	0	0	0
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	129	0	12	22	22	36	37
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	0	0	0	0	0	0	0
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	129	0	12	22	22	36	37
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	129	0	12	22	22	36	37
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	129	0	12	22	22	36	37
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em	129	0	12	22	22	36	37
1	Số trẻ cân nặng bình thường	117	0	13	21	19	33	31
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	0	0	0	0	0	0	0
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	129	0	12	22	22	36	37
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	0	0	0	0	0	0	0
5	Số trẻ thừa cân béo phì	12	0	0	0	3	3	6
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	129	0	12	22	22	36	37
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	34		12	22			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	95				22	36	37

Quận 10, ngày 12 tháng 8 năm 2019



Trần Thị Thanh Thủy

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của Trường Mầm non Phường 9
Năm học 2018 – 2019 (Biểu mẫu 03)**

STT	Nội dung	Số lượng	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng			Số m ² /trẻ em
II	Loại phòng học	05		-
1	Phòng học kiên cố	05		-
2	Phòng học bán kiên cố			-
3	Phòng học tạm			-
4	Phòng học nhờ			-
III	Số điểm trường	03		-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m ²)	404.4		
V	Tổng diện tích sân chơi (m ²)	183		
VI	Tổng diện tích một số loại phòng			
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	257		
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	257		
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	44.05		
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	172		
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	25		
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	30		
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	97		
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)			Số bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định			
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định			
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	05 bộ		Số bộ/sân chơi (trường)
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	05 máy vi tính 01 máy		

		chiều 01 máy ảnh		
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)			Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	...			

		Số lượng(m ²)				
XI	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	11.5	44.05			
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XIV	Kết nối internet	X	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	X	
XVI	Tường rào xây	X	

Quận 10, ngày 12 tháng 8 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG



Trần Thị Thanh Thủy

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của
Trường Mầm non Phường 9
Năm học 2018 - 2019 (Biểu mẫu 04)**

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	23	0	1	4	6	6	6	7	4	2	2	9		
I	Giáo viên	11			3	4	4		7	4	0	2	9		
1	Nhà trẻ	5			1	1	3		4	1		1	4		
2	Mẫu giáo	6			2	3	1		3	3		1	5		
II	Cán bộ quản lý	2		1	1						2				
1	Hiệu trưởng	1		1							1				
2	Phó hiệu trưởng	1			1						1				
III	Nhân viên	10				2	2	6							
1	Nhân viên văn thư						1								
2	Nhân viên kế toán					1									
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế					1									
5	Nhân viên khác						1	6							
..	..														

Quận 10, ngày 12 tháng 8 năm 2019



HIỆU TRƯỞNG

PHƯỜNG 9

Trần Thị Thanh Thủy

Đơn vị: TRƯỜNG MẦM NON PHƯỜNG 9

Chương:

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NGÂN SÁCH, NGUỒN KHÁC năm 2019

6 tháng đầu năm

(Kèm theo Quyết định số 17/QĐ-MNP9 ngày 01/8/2019 của Trường Mầm non Phường 9)

Đv tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Trong đó		
				Quỹ lương	Mua sắm, sửa chữa	Trích lập các quỹ
I	Quyết toán thu					
A	Tổng số thu					
1	Số thu phí, lệ phí	104.640	104.640			
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ					
3	Thu sự nghiệp khác	485.475	485.475			
B	Chi từ nguồn thu được để lại					
1	Chi từ nguồn thu phí được để lại	171.093	171.093			
1.1	Chi sự nghiệp	485.475	485.475			
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	485.475	485.475			
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
1.2	Chi quản lý hành chính					
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ					
3	Hoạt động sự nghiệp khác	2.200	2.200			

C	Số thu nộp NSNN					
1	Số phí, lệ phí nộp NSNN					
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ					
3	Hoạt động sự nghiệp khác					
II	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	1.231.246	1.231.246			
1	Chi quản lý hành chính					
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ					
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ					
2	Nghiên cứu khoa học					
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ					
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng					
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	1.231.246	1.231.246			
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	1.231.246	1.231.246			
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					

Quận 10, ngày 12 tháng 8 năm 2019



Trần Thị Thanh Thủy